

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHĂN NUÔI

Tin giá Heo hơi ngày 10/3/2022 - Cập nhật lúc 19h: Giá Heo hơi tại miền Bắc dự kiến điều chỉnh giảm 1.000 đồng/kg vào ngày mai (11/3) 19:10 10/03

- Tại thị trường miền Bắc, giá heo hơi dự kiến điều chỉnh giảm 1.000 đồng/kg vào ngày mai (11/03) đối với heo biểu to, kéo giảm mặt bằng giá xuống quanh 53.000-55.000 đồng/kg (giá sau chiết khấu).

Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Nam trong tuần (VND/kg)

	Khu vực	08/03/2022	09/03/2022	10/03/2022	Dự kiến
					11/03/2022
Heo công ty	Miền Bắc	54.000-55.000	54.000-55.000	54.000-55.000	53.000-55.000

Tin giá Heo hơi ngày 10/3/2022 - Cập nhật lúc 18h: Giá Heo hơi tại miền Nam dự kiến điều chỉnh giảm 1.000 đồng/kg vào ngày mai (11/3) 18:00 10/03

- Tại thị trường miền Nam, giá heo hơi dự kiến điều chỉnh giảm 1.000 đồng/kg vào ngày mai (11/03), kéo giảm mặt bằng giá xuống quanh 50.000-55.000 đồng/kg (giá sau chiết khấu).

Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Nam trong tuần (VND/kg)

	Khu vực	08/03/2022	09/03/2022	10/03/2022	Dự kiến 11/03/2022
Heo công ty	Đồng Nai	52.000-56.000	51.000-56.000	51.000-56.000	50.000-55.000

Điểm tin thị trường Heo hơi ngày 10/3/2022 14:01 10/03

A. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- Giá heo hơi hầu khắp các vùng tại Trung Quốc chứng đã giảm trước đợt thu mua dự trữ diễn ra vào hôm nay, đưa mặt bằng giá bình quân nhích nhẹ lên quanh 12,4 tệ/kg, tương đương 45.000 đồng/kg. Tại miền Nam Trung Quốc, mặt bằng giá cũng tăng lên quanh 12,9-13,5 tệ/kg, tương đương 47-49.000 đồng/kg.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn cũng tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay, đạt quanh 13,5-15,6 tệ/kg, tương đương 49-56.000 đồng/kg cho kỳ hạn tháng 5-7/2022.

B. THỊ TRƯỜNG NỘI ĐỊA

Giá heo hơi

- Với số ca nhiễm Covid 19 tăng mạnh và đạt cao ở cả 3 miền, nhu cầu tiêu thụ thịt ở kênh bếp ăn tập thể lẫn hộ gia đình sẽ còn ảm đạm trong tuần tới, cho tới khi dịch có xu hướng thoái trào.

Miền Bắc

- Tại **miền Bắc**, mặt bằng giá heo tiếp tục giảm nhẹ vào hôm nay, còn phổ biến 53-55.000 đồng/kg, mức trên 55.000 đồng/kg không còn. Lượng heo tấp vào gột trước đó có xu hướng bán ra luôn do giá cám tăng và giá heo hơi hạ.

- **Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam**: Dự kiến trong 3 ngày cuối tuần, lượng heo đóng từ miền Nam ra Bắc sẽ giảm lại do lượng heo tồn vẫn còn và giá heo miền Bắc hạ nhiệt.

Miền Trung & miền Nam

- Tại **miền Trung và miền Nam**, do giá heo không tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá cám tăng mạnh nên heo dân đồ ra bán nhiều hơn khiến lượng heo về các chợ đầu mối tăng mạnh.

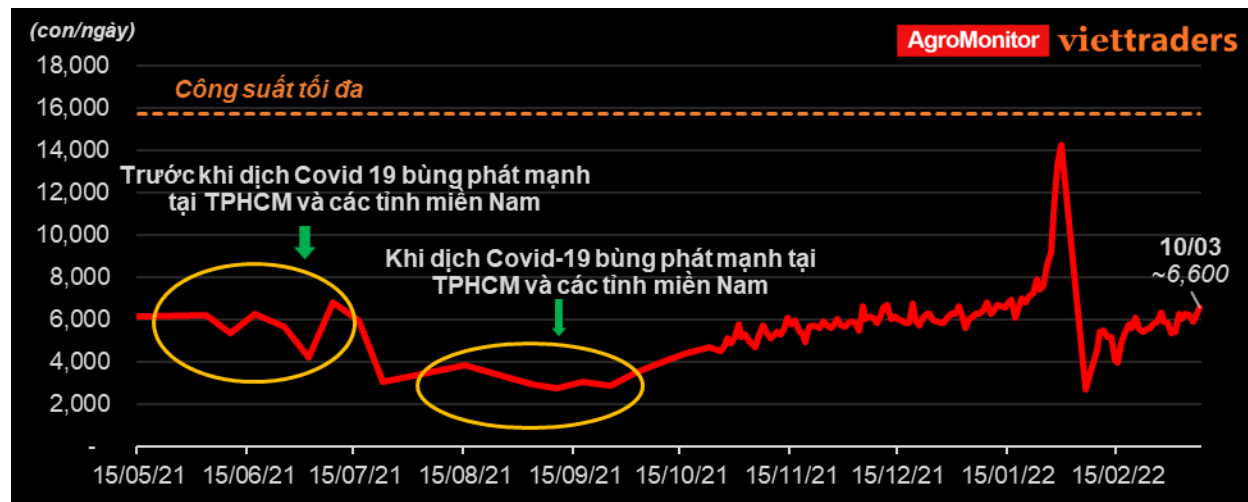
Giao dịch tại chợ đầu mối, lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt hơn 4.000 con, trong đó riêng heo từ miền Nam đưa ra đạt tầm 17-18 xe. Lượng heo tồn hôm qua vẫn còn cộng thêm lượng heo mới đưa về nhiều trong khi khách tới chợ ít khiến cho chợ bán chậm, với giá heo đầu giảm còn 56.000 đồng/kg, phổ biến 52-53.000 đồng/kg, hàng chân khó bán, heo tồn nhiều.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 5.100 con, nhập chợ đạt hơn 4.800 con, tăng gần 600 con so với hôm qua. Chợ bị ép giá từ đầu phiên, với giá heo đầu dưới 70.000 đồng/kg và rớt còn 43.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, các thương lái bị lỗ nặng.

Lượng Heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 10/3/2022 (con/ngày) 10:18 10/03

Lượng heo đưa vào giết mổ tại các lò mổ TPHCM tính tới ngày 10/03/2022 (con/ngày)

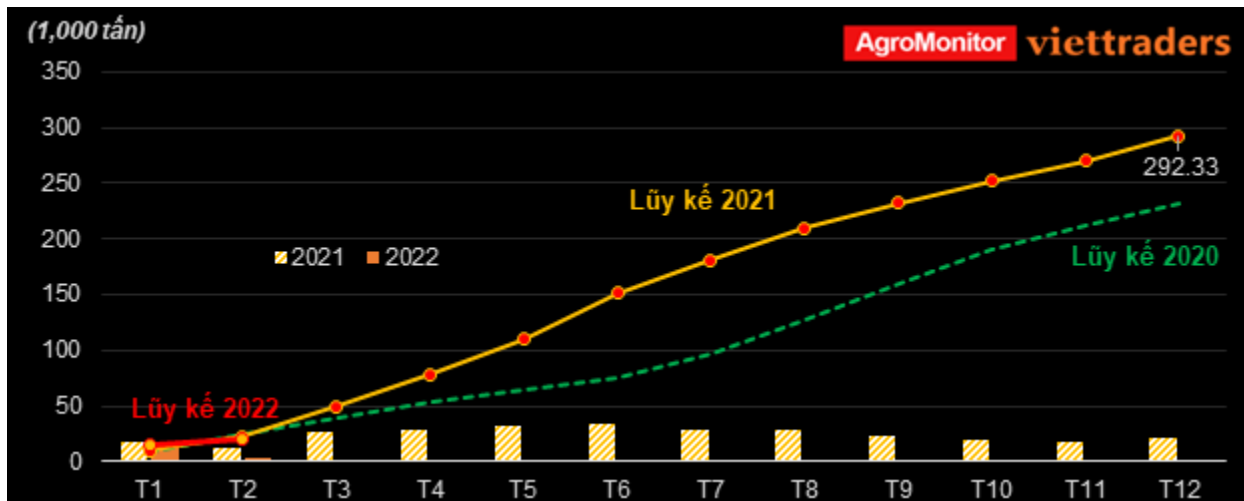


Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Lượng thịt và phụ phẩm từ Heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 15/2/2022 (nghìn tấn) 13:13 19/02

Diễn biến lượng thịt và phụ phẩm từ heo nhập khẩu về Việt Nam tính đến ngày 15/02/2022

[*\(xem chi tiết tại đây\)*](#)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

Bảng giá Heo hơi và Heo con ngày 10/3/2022 07:54 10/03

1. Miền Bắc

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		54.000-55.000	54.000-55.000	54.000-56.000
Heo dân	Thái Bình	53.000-56.000	54.000-56.000	50.000-55.000
	Bắc Giang	53.000-55.000	53.000-56.000	50.000-55.000
	Hà Nội	53.000-55.000	54.000-56.000	50.000-55.000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		115.000-120.000	115.000-120.000	95.000-100.000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.200.000-1.400.000	1.200.000-1.400.000	1.200.000-1.400.000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

2. Miền Trung

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	54.000	54.000	53.000-55.000
	Nam Trung Bộ	52.500-57.000	52.500-57.000	51.000-57.000
Heo dân	Nghệ An	51.000-53.000	51.000-53.000	50.000-53.000
	Bình Định	54.000-56.000	54.000-56.000	51.000-56.000

	Đắc Lắc	50.000-53.000	50.000-53.000	50.000-52.000
--	---------	---------------	---------------	---------------

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá		10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	51.000-56.000	51.000-56.000	51.000-56.000
	Miền Tây	51.000-56.000	51.000-56.000	51.000-56.000
Heo dân	Đồng Nai	51.000-54.000	51.000-54.000	51.000-54.000
	Tiền Giang	51.000-54.000	51.000-54.000	50.000-53.000
	Bến Tre	51.000-54.000	51.000-54.000	50.000-53.000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

Bảng giá thị trường Gia cầm ngày 10/3/2022 11:26 10/03

Gà trắng

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

	Khu vực	10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	31.000-33.000	31.000-33.000	27.000-33.000
	Miền Nam	25.000-27.000	25.000-27.000	26.000-29.000
Gà trong dân	Miền Bắc			
	Thái Nguyên	30.000-32.000	30.000-32.000	27.000-32.000
	Vĩnh Phúc	31.000-32.500	31.000-32.500	27.000-32.500
	Hà Nội	31.000-32.500	31.000-32.500	27.000-32.500
	Miền Nam			
	Bình Dương	25.000-26.000	25.000-26.000	26.000-29.000
	Bình Phước	25.000-26.000	25.000-26.000	26.000-29.000

Gà màu

Bảng 3. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	41.000-42.000	41.000-42.000	41.000-43.000
Gà ta lai CP – miền Trung	40.000-46.000	40.000-46.000	40.000-46.000

Gà ta lai CP – miền Nam	47.000-48.000	47.000-48.000	47.000-48.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-48.000	45.000-48.000	45.000-52.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	55.000-60.000	55.000-60.000	45.000-55.000
Gà Minh Dư – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-49.000	45.000-49.000	45.000-53.000
Gà Minh Dư – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	57.000-65.000	57.000-65.000	50.000-57.000

Vịt thịt

Bảng 3. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	35.000-37.000	32.000-35.000	28.000-30.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	35.000-37.000	35.000-37.000	35.000-37.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	37.000-38.000	37.000-38.000	37.000-39.000

Bảng giá thị trường Chăn nuôi thế giới ngày 10/3/2022 10:25 10/03

A. THỊ TRƯỜNG HEO

Giá heo hơi Trung Quốc cũng đã giảm.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 năm	
Châu Á						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	13,47	▼0,05	▼16,11	48.700
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	12,86	▼0,08	▼17,78	46.500
	(DCE) T3/2022	CNY/kg	13,48	▲0,04	-	48.700
	(DCE) T5/2022	CNY/kg	15,60	▲0,11	-	56.400

	(DCE) T7/2022	CNY/kg	18,04	▲ 0,20	-	65.200
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	86,50	—0,00	▲ 11,50	60.700
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	82,00	—0,00	▲ 10,00	57.600
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	11.440	▲ 38	-	64.400
Lào	Giao ngay	LAK/kg	30.120	▲ 143	-	59.900
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	56.618	▼ 653	▲ 8.722	90.600
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Cent/lbs	71,04	—0,00	-	36.000
Canada	Giao ngay	Penny/kg	227,36	—0,00	▲ 40,83	41.600
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,14	▲ 0,01	▼ 0,05	26.100

B. THỊ TRƯỜNG GIA CẦM

Bảng 2. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	8,14	▲ 0,02	▼ 1,36	29.430
	Gà trắng giống	CNY/con	1,02	▲ 0,13	▼ 3,52	3.690
	Vịt thịt	CNY/kg	8,38	—0,00	-	30.290
	Vịt giống	CNY/con	1,56	▲ 0,16	-	5.640
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	—0,00	-	28.760
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	—0,00	-	60.350
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	12.070
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,36	▲ 0,03	▲ 0,25	31.270
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,36	▲ 0,01	▲ 0,25	31.270

Bảng 3. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		VND/kg
				1 ngày	1 ngày	
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	8,32	▲ 0,20	-	30.080
	(DCE) T4/2022	CNY/500kg	4.271	▲ 19,0	▲ 130,0	30.880
	(DCE) T5/2022	CNY/500kg	4.398	▲ 8,00	▼ 4,00	31.800
	(DCE) T6/2022	CNY/500kg	4.179	▲ 3,00	▼ 9,00	30.210
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 trứng	320,0	—0,00	-	2.270
	Trứng số 3	Baht/100 trứng	313,0	—0,00	-	2.220
	Trứng số 4	Baht/100 trứng	296,0	—0,00	-	2.100
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.530
Lào	Trứng gà	Kip/30 quả	29.000-30.000	—0,00	-	1.930-2.000

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC THẾ GIỚI NGÀY 10/03/2022	
Thị trường Heo	<p>▶ <u>Giá heo Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá heo hơi hầu khắp các vùng tại Trung Quốc chứng đã giảm trước đợt thu mua dự trữ diễn ra vào hôm nay, đưa mặt bằng giá bình quân <i>nhích nhẹ</i> lên quanh 12,4 t\$/kg, tương đương ~45.000 đồng/kg;- Tại <i>tỉnh Quảng Tây</i>, giá heo đạt 12,86 t\$/kg, tương đương ~47.000 đồng/kg;- Giá heo <i>kỳ hạn tháng 5/2022</i> tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay, đạt 13,48 t\$/kg, tương đương ~49.000 đồng/kg (▲ 0,3%);- Giá heo con 7kg giữ mức 24,21 t\$/kg, tương đương 610.000 đồng/con, giao dịch heo con rất chậm.
	<p>▶ <u>Giá heo Thái Lan</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá bình quân giữ ở mức 86,50 baht/kg, tương đương ~61.000 đồng/kg;- Tại <i>miền Trung</i>, giá heo duy trì quanh vùng 82,00 baht/kg, tương đương ~58.000 đồng/kg;- Giá heo con tiếp tục đi ngang trong tuần này.
	<p>▶ <u>Giá heo Mỹ</u></p> <ul style="list-style-type: none">- Giá heo hơi không có điều chỉnh mới, đạt 71,04 cent/pound, tương đương ~36.000 đồng/kg;- Giá heo nạc CME <i>kỳ hạn tháng 4/2022</i> quay đầu giảm xuống 101,15 cent/pound (▼ 1,7%) do thị trường lo ngại nguồn cung có nhiều sau báo cáo cung cầu tháng 3 của Bộ NN Mỹ cho biết lượng thịt heo nhập khẩu của nước này trong năm 2022 được nâng lên so với báo cáo trước đó.
Thông tin kinh tế	<ul style="list-style-type: none">- Đồng USD sau nhiều phiên duy trì trên mức cao kỷ lục, thì sáng nay đã đảo chiều giảm mạnh trên thị trường thế giới;- Thị trường chứng khoán Mỹ đã chính thức thoát chuỗi 4 phiên giao dịch giảm điểm liên tiếp bằng một cú tăng ấn tượng bất chấp những căng thẳng địa chính trị giữa Nga và Ukraine không ngừng leo thang;- Reuters đưa tin, giá dầu toàn cầu đã giảm mạnh nhất trong gần hai năm qua sau khi Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) - thành viên OPEC lên tiếng ủng hộ việc bơm thêm dầu vào thị trường vốn đang bị xáo trộn do nguồn cung gián đoạn bởi các lệnh trừng phạt đối với Nga sau khi nước này mở chiến dịch quân sự đặc biệt ở Ukraine.

A. THỊ TRƯỜNG HEO

▶ Tại Trung Quốc

- Giá heo hơi hầu khắp các vùng tại Trung Quốc chứng đã giảm trước đợt thu mua dự trữ diễn ra vào hôm nay, đưa mặt bằng giá bình quân nhích nhẹ lên quanh 12,4 tệ/kg, tương đương 45.000 đồng/kg. Tại miền Nam Trung Quốc, mặt bằng giá cũng tăng lên quanh 12,9-13,5 tệ/kg, tương đương 47-49.000 đồng/kg.

- Tại sàn Đại Liên, giá heo hơi các kỳ hạn cũng tăng nhẹ trong phiên giao dịch hôm nay, đạt quanh 13,5-15,6 tệ/kg, tương đương 49-56.000 đồng/kg cho kỳ hạn tháng 5-7/2022.

▶ Tại Mỹ

- Tại sàn Chicago, giá heo nạc các kỳ hạn có diễn biến giảm lại trong phiên giao dịch đêm qua, trong đó kỳ hạn tháng 4/2022 giảm 1,7% so với phiên trước do lo ngại nguồn cung có nhiều vượt mức tiêu thụ sau báo cáo cung cầu tháng 3 của Bộ NN Mỹ cho biết lượng thịt heo nước này nhập khẩu năm 2022 tăng tới 5,7% so với báo cáo trước đó, cùng với đó là sự ảnh hưởng lan tỏa từ đà giảm mạnh của giá dầu và giá nguyên liệu TACN trên thế giới.

- Vào đêm qua, Bộ NN Mỹ công bố báo cáo cung cầu nông sản tháng 3/2022, trong đó sản lượng thịt heo nước này được điều chỉnh giảm nhẹ 0,2% do nguồn cung heo trên thị trường có chiều hướng giảm, theo đó giá heo hơi tại Mỹ có thể sẽ có mức tăng tốt ở năm nay. Có diễn biến tương tự, lượng thịt heo Mỹ xuất khẩu năm 2022 cũng giảm 1,2% so với báo cáo tháng trước trong khi lượng nhập khẩu lại tăng tới 5,7% làm tăng lo ngại nguồn cung nội địa có nhiều hơn.

DIỄN BIẾN GIÁ

Giá heo hơi Trung Quốc chứng đã giảm.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch heo hơi tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá		Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 năm	
<i>Châu Á</i>						
Trung Quốc	Giao ngay – bình quân	CNY/kg	13,47	▼ 0,05	▼ 16,11	48.700
	Giao ngay – Quảng Tây	CNY/kg	12,86	▼ 0,08	▼ 17,78	46.500
	(DCE) Kỳ hạn T5/2022	CNY/kg	13,48	▲ 0,04	-	48.700
	(DCE) Kỳ hạn T7/2022	CNY/kg	15,60	▲ 0,11	-	56.400
	(DCE) Kỳ hạn T9/2022	CNY/kg	18,04	▲ 0,20	-	65.200
Thái Lan	Giao ngay – bình quân	Baht/kg	86,50	—0,00	▲ 11,50	60.700
	Giao ngay – miền Trung	Baht/kg	82,00	—0,00	▲ 10,00	57.600
Campuchia	Giao ngay	KHR/kg	11.440	▲ 38	-	64.400

Lào	Giao ngay	LAK/kg	30.120	▲143	-	59.900
Indonesia	Giao ngay	IDR/kg	56.618	▼653	▲8.722	90.600
Châu Mỹ						
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	71,04	—0,00	-	36.000
Canada	Giao ngay	Penny/kg	227,36	—0,00	▲40,83	41.600
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,14	▲0,01	▼0,05	26.100

Giá heo con tại Mỹ quay đầu giảm lại do nhu cầu vào đàn mới tam chũng trước diễn biến tăng mạnh của giá TACN.

Bảng 2. Bảng giá giao dịch heo giống tại các nước

Nước	Loại heo	Đơn vị	Giá	Biến động giá			Quy đổi VND/con
				1 ngày	1 tuần	1 năm	
Trung Quốc	Biểu 7kg	CNY/kg	24,21	—0,00	▲0,02	▼67,52	612.500
Thái Lan	Biểu 5-6kg	Baht/con	2.300	—0,00	—0,00	▲100	1.640.000
	Biểu 20-25kg	Baht/con	2.700 (+/- 84)	—0,00	—0,00	▲100	1.920.000
Mỹ	Biểu 5-6kg	USD/con	73,01	—0,00	▼0,32	-	1.677.800
	Biểu 18kg	USD/con	115,85	—0,00	▼6,43	-	2.662.200
EU	Giá bình quân	EUR/con	40,23	▲2,77	▲2,77	▼6,61	1.032.000

Giá heo nạc Mỹ các kỳ hạn giao dịch tại sàn Chicago quay đầu giảm lại do lo ngại cung vượt cầu.

Bảng 3. Bảng giá giao dịch thân thịt heo tại các nước

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
				1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Trung Quốc	Giao ngay	CNY/kg	18,56	▲0,24	▲0,19	▼3,62	▼19,55	67.100
Mỹ	Giao ngay	Uscent/pound	105,40	—0,00	▼3,02	▲0,56	-	53.400
	(CME) Kỳ hạn T4/2022	Uscent/pound	101,15	▼1,77	▼5,15	▼3,63	▲12,80	51.300
	(CME) Kỳ hạn T5/2022	Uscent/pound	107,40	▼0,82	▼3,63	▼1,55	▲19,05	54.400
	(CME) Kỳ hạn T6/2022	Uscent/pound	113,93	▼0,75	▼2,53	▼0,58	▲25,58	57.700
Brazil	Giao ngay	USD/kg	1,78	▲0,01	▲0,05	▲0,31	▼0,02	40.900

EU	Giao ngay – nhóm S	EUR/100kg	151,33	▲9,57	▲9,57	▲16,85	▲4,18	38.800
	Giao ngay – nhóm E	EUR/100kg	145,14	▲9,93	▲9,93	▲15,18	▲3,01	37.200
	Giao ngay – nhóm R	EUR/100kg	170,35	▲21,61	▲21,61	▼15,92	▲1,17	43.700

(Ghi chú: Thân thịt heo EU nhóm S có độ nạc >60%; nhóm E từ 55-60%; nhóm R từ 45-50%)

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Dịch bệnh – Thiên tai

Bảng 4. Thống kê dịch tả heo châu Phi (ASF) trên thế giới trong năm 2022

Ngày	Thông tin về ổ dịch mới nhất
25/02/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Ý ghi nhận thêm 3 ổ dịch tả châu Phi mới đối với heo rừng; - Romania công bố 11 ổ dịch tả châu Phi mới khiến 16 con heo rừng và 14 con heo nhà chết vì nhiễm bệnh, 47 con khác bị tiêu hủy; - Dịch tả châu Phi lác đác nở trên heo rừng tại các nước châu Âu, Moldova tiếp tục ghi nhận 1 ổ dịch mới; - Nga ghi nhận thêm 1 ổ dịch mới với 25 con heo nhà đã bị chết vì nhiễm bệnh.
01/03/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Hungary ghi nhận thêm 19 con heo rừng chết vì nhiễm bệnh từ 10 ổ dịch mới; - 13 con heo rừng thuộc 7 ổ dịch tại Latvia được ghi nhận chế vì nhiễm dịch tả heo châu Phi.

Sản xuất – Tiêu thụ

▶ *Tại Mỹ*

Lương heo Mỹ đưa vào giết mổ trong 3 ngày đầu tuần này ước đạt gần 1,43 triệu con, cao hơn 15 nghìn con so với mức tương ứng của tuần trước nhưng vẫn giảm 40 nghìn con so với cùng kỳ năm 2021.

Bảng 5. Lương heo Mỹ đưa vào giết mổ theo ngày (nghìn con)

Ngày	Dự kiến	Thực tế giết mổ trong ngày	Lũy kế tuần		
			Tuần này	Tuần trước	Cùng kỳ năm trước
07/03/2022	479	467	467*	451	491
08/03/2022	480	480	947	933	977
09/03/2022	482	-	1.429	1.414	1.468

Ghi chú: * số liệu điều chỉnh

Trong báo cáo mới nhất, Bộ NN Mỹ điều chỉnh giảm 0,2% đối với sản lượng thịt heo năm 2022.

Bảng 6. Cân đối cung cầu thịt heo Mỹ (nghìn tấn)

Năm	Nguồn cung (nghìn tấn)				Nhu cầu (nghìn tấn)		
	Tồn kho đầu kỳ	Sản lượng	Nhập khẩu	Tổng cung	Xuất khẩu	Tiêu thụ nội địa	Tồn kho cuối kỳ
2021							
Ước tính T1/22	212	12.568	540	13.320	3.215	9.896	209
Ước tính T2/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.914	204
Ước tính T3/22	212	12.559	535	13.306	3.189	9.915	202
2022							
Dự báo T1/22	209	12.487	590	13.286	3.175	9.902	209
Dự báo T2/22	204	12.426	594	13.224	3.089	9.926	209
Dự báo T3/22	202	12.397	628	13.227	3.053	9.970	204

► **Tại Trung Quốc**

Công ty Muyuan cho biết trong 2 tháng đầu năm 2021 đã xuất bán trên 7,8 triệu con heo, cao hơn so với 2 tháng đầu năm 2021 tới 60% trong khi doanh thu bán hàng lại giảm tới trên 17% với gần 10,2 tỷ nhân dân tệ.

Bảng 7. Lượng heo sống xuất bán của một số doanh nghiệp chăn nuôi lớn tại Trung Quốc trong năm 2022 (nghìn con)

STT	Doanh nghiệp	Tháng 01	Tháng 02		
			Lượng xuất bán (1.000 con)	So với tháng trước (%)	So với cùng kỳ năm trước (%)
1	Muyuan	7.831,0	-	-	▲ 60%
2	Zhenbang Tech	958,7	-	-	-
3	New Hope	1.292,6	977,3	▼ 24%	▲ 40%
4	Wen's	1.506,1	-	-	-
5	Cofco	404,0	-	-	-
6	Dabeinong	416,5	-	-	-
7	Aonong Bio	380,8	-	-	-
8	Tianbang	381,3	-	-	-
9	Tiankang Bio	126,9	-	-	-
10	Tang Ren Shen	130,4	122,4	▼ 6%	▼ 19%
11	Jin Xinnong	70,6	67,5	▼ 4%	▲ 42%

12	Luo Niu Shan	45,1	-	-	-
13	Dawnrays	46,6	30,1	▼35%	-
14	Zhenhong Tech	15,2	7,1	▼53%	▼5%
15	Guanghong Holdings	8,1	7,4	▼8%	-
16	Huatong	58,6	-	-	-

PHỤ LỤC

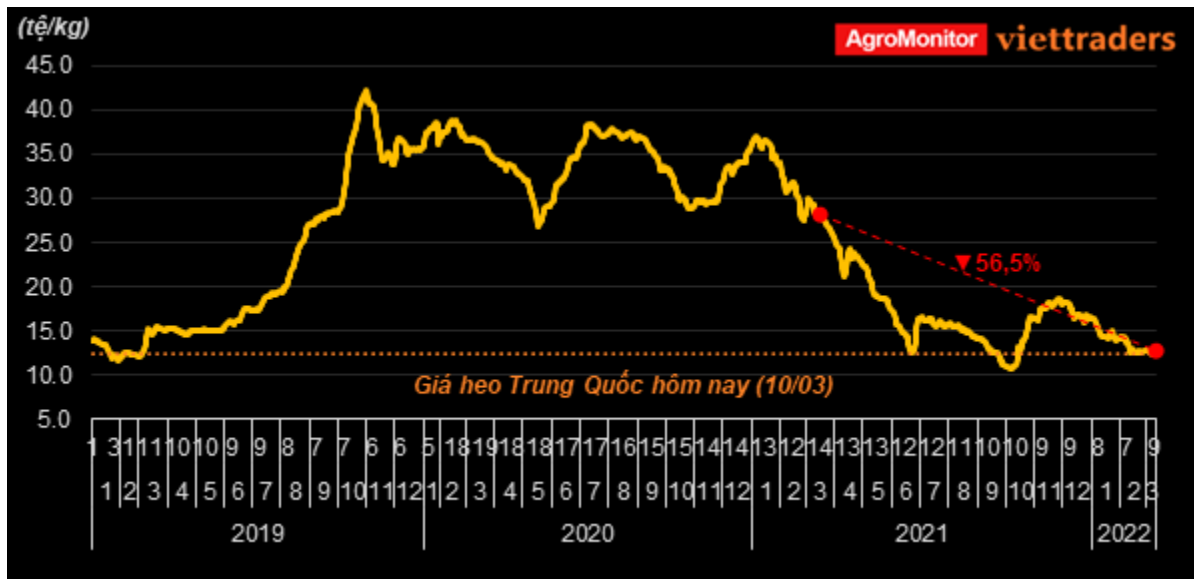
Diễn biến giá

► Trung Quốc

Bảng 8. Bảng giá heo hơi tại một số vùng Trung Quốc ngày 10/03/2022

Khu vực	Tệ/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Quảng Đông	13,47	▲0,17	▼0,42	▼1,63	▼17,18	48.700
Quảng Tây	12,86	▲0,19	▼0,34	▼0,99	▼17,78	46.500
Vân Nam	12,04	▲0,62	▲0,32	▼0,56	▼16,91	43.500
Phúc Kiến	13,63	▲0,56	▲0,32	▼1,12	▼16,25	49.300
Tứ Xuyên	12,57	▲0,07	▼0,33	▼1,61	▼16,69	45.400
Liêu Ninh	11,79	▲0,10	▼0,26	▼1,80	▼15,42	42.600
Hà Bắc	12,14	▲0,08	▼0,26	▼1,91	▼15,24	43.900
Sơn Đông	12,32	—0,00	▼0,46	▼1,99	▼15,26	44.500
Giá trung bình cả nước	12,40	▲0,08	▼0,27	▼1,74	▼16,11	44.800

Hình 1. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Trung Quốc từ 01/01/2019-10/03/2022 (tệ/kg)



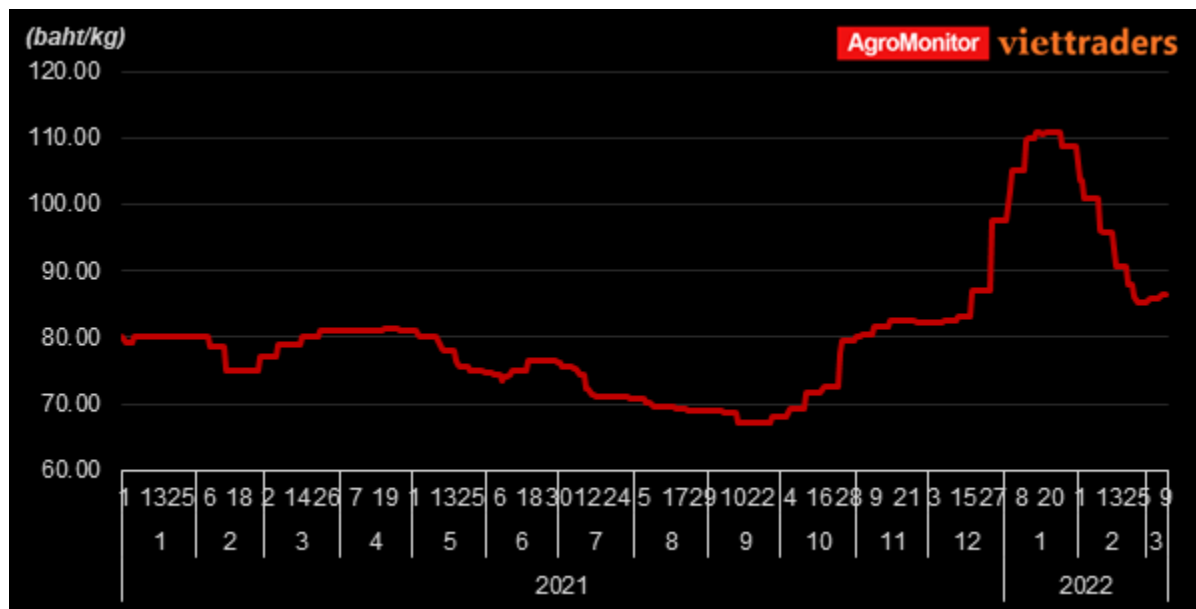
Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

► **Thái Lan**

Bảng 9. Bảng giá heo hơi tại một số trang trại Thái Lan ngày 09/03/2022

Khu vực	Baht/kg	Biến động giá				Quy đổi VND/kg
		1 ngày	1 tuần	1 tháng	1 năm	
Miền Bắc	87,00	—0,00	—0,00	▼15,00	-	61.100
Vùng Đông Bắc	88,00	—0,00	—0,00	▼14,00	-	61.800
Miền Trung	82,00	—0,00	▲4,00	▼30,00	▲10,00	57.600
Miền Đông	88,00	—0,00	▲2,00	▼15,50	▲10,00	61.800
Miền Tây	86,00	—0,00	▲2,00	▼14,00	-	60.400
Miền Nam	88,00	—0,00	—0,00	▼14,00	-	61.800
Giá trung bình cả nước	86,50	—0,00	▲1,33	▼17,08	▲11,50	60.700

Hình 2. Diễn biến giá heo hơi bình quân tại Thái Lan từ 01/01/2021-09/03/2022 (baht/kg)



Nguồn: AgorMonitor tổng hợp

Sản xuất

Tại Mỹ

Sản lượng thịt heo Mỹ trong tuần kết thúc ngày 05/03 giảm 2,9% so với tuần trước đó.

Bảng 10. Diễn biến hoạt động sản xuất thịt heo tại Mỹ theo tuần

Tuần kết thúc ngày	Trọng lượng heo xuất chuồng (kg/con)	Lượng heo đưa vào giết mổ (nghìn con)	Sản lượng thịt heo (nghìn tấn; %)		
			Lượng (1.000 tấn)	Lũy kế 2022 (1.000 tấn)	2022/2021 (%)
12/02/2022	133,4	2.516	250,2	1.470,8	▼10,2
19/02/2022	133,4	2.498	248,0	1.718,9	▼8,4
26/02/2022	133,4	2.496	247,6	1.966,4	▼8,1
05/03/2022	132,9	2.427	240,3	2.206,7	▼7,8

Thương mại

Tại Mỹ

Lượng thịt heo Mỹ bán mới trong tuần kết thúc 24/02 tăng tới 59% so với tuần trước đó

Bảng 11. Diễn biến hoạt động xuất khẩu thịt heo của Mỹ

Tuần kết thúc ngày	Lượng xuất khẩu mới (tấn)	Lượng bán mới (tấn)	Tổng lượng đã bán cho niên vụ 2022 (tấn)		
			Tổng	Bán cho Mexico	Bán cho Trung quốc

03/02/2022	30.390	18.127	376.346	131.418 (▼14%)	42.167 (▼72%)	732 (▼62%)
10/02/2022	31.005	18.333	394.679	136.260 (▼16%)	42.439 (▼73%)	776 (▼60%)
17/02/2022	30.150	26.581	421.260	149.031 (▼12%)	42.773 (▼73%)	823 (▼59%)
24/02/2022	30.105	42.150	463.410	166.027 (▼10%)	59.342 (▼68%)	821 (▼60%)

Ghi chú: Thay đổi tương đối (%) của tổng lượng đã bán cho các thị trường là so sánh với cùng kỳ năm 2021.

B. THỊ TRƯỜNG TACN & CÁC SẢN PHẨM CHĂN NUÔI

▣ Giá nguyên liệu TACN trên thế giới

Lưu ý: Lũy thừa của các quỹ khiến giá lúa mì và ngô giảm mạnh trong phiên giao dịch đêm qua.

Bảng 12. Tham khảo giá một số loại nguyên liệu TACN trên thế giới

Loại giá	Kỳ hạn	ĐVT	Giá	So với hôm trước	Diễn biến chính
<u>Ngô</u>					
CBOT - Mỹ	T5/2022	cent/bushel	733,00	▼20,00	Mặc dù được hỗ trợ bởi thông tin Ukraina cấm xuất khẩu các mặt hàng nông nghiệp chủ chốt trong đó có ngô, sản lượng ethanol của Mỹ trong tuần kết thúc ngày 4/3 tăng vượt mức kỳ vọng của thị trường cùng đơn hàng mới tới Colombia, giá ngô vẫn có xu hướng giảm kể từ cuối phiên giao dịch châu Âu trước tác động lan tỏa từ đà suy yếu của giá lúa mì.
DCE - Trung Quốc	T5/2022	CNY/tấn	2888	▼5	
<u>Lúa mì</u>					
CBOT - Mỹ	T5/2022	cent/bushel	1201,40	▼85,00	Giá lúa mì kỳ hạn tháng 5 trên sàn CBOT giảm kịch sàn 85 UScent/gia và đóng cửa ở mức 1201,4 UScent/gia trong bối cảnh các quỹ đầu tư đẩy mạnh chốt lời trước và sau khi Bộ NN Mỹ (USDA) phát hành Báo cáo Cung Cầu tháng 3.
FOB - Canada 13,5%	T5/2022	USD/tấn	440,50	▼23,50	
<u>Khô đậu tương</u>					

CBOT - Mỹ	T5/2022	USD/tấn ngắn	474,70	▲ 1,40	Chốt phiên giao dịch, giá khô đậu tương CBOT chỉ tăng nhẹ 1,4 cent/bushel so với phiên trước đó, ở mức 474,7 USD/tấn ngắn khi thị trường tìm cách cân bằng trước sự hỗ trợ từ đà giảm mạnh của giá dầu đậu tương với lực bán chốt lời của các quỹ.
DCE - Trung Quốc	T5/2022	CNY/tấn	4222	▲ 69	

► **Giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc**

Theo giám sát giá của Bộ Nông nghiệp và Nông thôn Trung Quốc tại 500 điểm chợ nông sản, thu mua trên cả nước, trong tuần bắt đầu ngày 07/03/2022, giá nguyên liệu thức ăn chăn nuôi liên tiếp được điều chỉnh tăng theo đà tăng của giá thế giới trong khi giá hầu hết các sản phẩm chăn nuôi lại ghi nhận chiều hướng giảm so sức tiêu thụ trên thị trường yếu.

Bảng 13. Tham khảo giá TACN và một số sản phẩm chăn nuôi tại Trung Quốc theo giám sát của Bộ Nông nghiệp, cập nhật tuần bắt đầu ngày 07/03/2022

Loại giá	tệ/kg	Biến động giá		Quy đổi VND/kg	Ghi chú
		1 tuần	1 năm		
<i>Thức ăn chăn nuôi</i>					
Ngô	2,89	▲ 0,7%	▼ 3,3%	10.400	- Giá ngô bình quân tại ba tỉnh Đông Bắc tại các khu vực sản xuất chính là 2,60 tệ/kg, tăng 1,2% so với tuần trước; - Giá ngô tại tỉnh Quảng Đông, khu vực bán hàng chính , là 3,09 tệ/kg, tăng 1,3% so với tuần trước.
Khô đậu tương	4,43	▲ 5,5%	▲ 13,3%	16.000	- Tăng liên tiếp trong 12 tuần, vượt mức cao nhất kể từ 2017.
Cám heo	3,75	▲ 0,8%	▲ 3,6%	13.600	- Loại cám hỗn hợp dùng cho heo xuất chuồng; - Mức giá cao nhất kể từ năm 2017.
<i>Sản phẩm chăn nuôi</i>					
Thịt heo	23,71	▼ 1,9%	▼ 50,2%	85.700	
Thịt bò	87,58	▼ 0,4%	▼ 0,7%	316.500	- Giảm trong tuần thứ 4 liên tiếp; - Giá thịt bò bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Liêu Ninh, Cát Lâm, Sơn Đông và Hà Nam là 79,35 tệ/kg, tương đương so với tuần trước.
Thịt cừu	84,24	▼ 0,6%	▼ 2,7%	304.400	- Giảm trong tuần thứ 4 liên tiếp;

					- Giá thịt cừu bình quân tại các tỉnh sản xuất chính như Hà Bắc, Nội Mông, Sơn Đông, Hà Nam và Tân Cương là 78,53 tệ/kg, giảm 0,5% so với tuần trước.
Thịt gà	22,63	▼0,5%	▼0,9%	81.800	
Sữa bò	4,21	▼0,7%	▼1,9%	15.200	- Giá bình quân tại 10 tỉnh sản xuất bò sữa lớn, bao gồm Nội Mông và Hà Bắc.
Trứng gà	10,12	▼0,8%	▲2,6%	36.600	

Ghi chú: * Giá sản phẩm chăn nuôi là giá bán tại các chợ đầu mối

* Giá quy đổi VND/kg ước tính với tỷ giá tại thời điểm thống kê

C. THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

► Tỷ giá một số đồng tiền chính

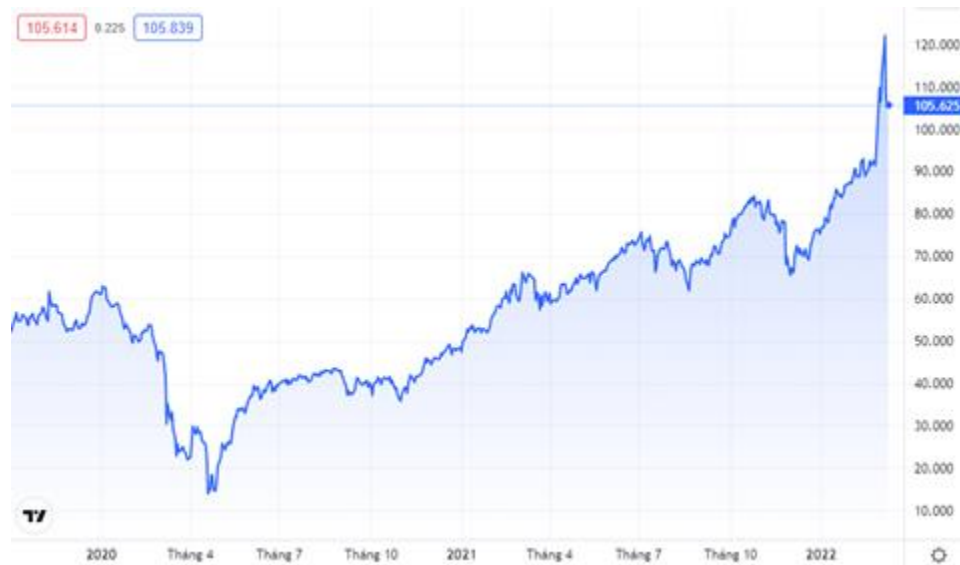
Đồng USD sau nhiều phiên duy trì trên mức cao kỷ lục, thị sáng nay đã đảo chiều giảm mạnh trên thị trường thế giới. Các loại tiền tệ hàng hóa cũng giảm từ mức cao gần đây, khi giới đầu cơ lo ngại giá năng lượng, ngũ cốc và kim loại tăng cao có thể làm giảm nhu cầu trong thời gian dài.

Bảng 14. Tỷ giá một số đồng tiền chính ngày 10/03/2022

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với USD			So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%)
AUD (Úc)	AUD/USD	0,731	▲0,36	AUD/VND*	16.897	—0,00
BRL (Brazil)	BRL/USD	0,200	▲0,96	-	-	-
CAD (Canada)	CAD/USD	0,780	▲0,44	CAD/VND*	18.034	—0,00
CNY (Trung Quốc)	CNY/USD	0,158	—0,00	CNY/VND	3.615	▼0,03
EUR (Châu Âu)	EUR/USD	1,106	▲1,25	EUR/VND*	25.655	—0,00
GBP (Anh)	GBP/USD	1,317	▲0,43	GBP/VND*	30.435	—0,00
IDR (Indonesia)	-	-	-	IDR/VND	1,60	▲0,03
KHR (Campuchia)	-	-	-	KHR/VND	5,63	—0,00
LAK (Lào)	-	-	-	LAK/VND	1,99	▼0,50
THB (Thái Lan)	THB/USD	0,030	▲0,33	THB/VND*	702	—0,00
USD (Mỹ)	-	-	-	USD/VND*	22.990	—0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank

Hình 3. Biến động chỉ số DXY năm 2020-2022



Nguồn: Trading view (cập nhật vào lúc 10:00 ngày 10/03 theo giờ Việt Nam)

▶ Thị trường chứng khoán Mỹ

Thị trường chứng khoán Mỹ đã chính thức thoát chuỗi 4 phiên giao dịch giảm điểm liên tiếp bằng một cú tăng ấn tượng bất chấp những căng thẳng địa chính trị giữa Nga và Ukraine không ngừng leo thang.

Giá dầu đã giảm hơn 10% trong phiên 09/03, qua đó thúc đẩy đà tăng cho thị trường chứng khoán. Cụ thể, chứng khoán Mỹ ngày 09/03/2022 ghi nhận:

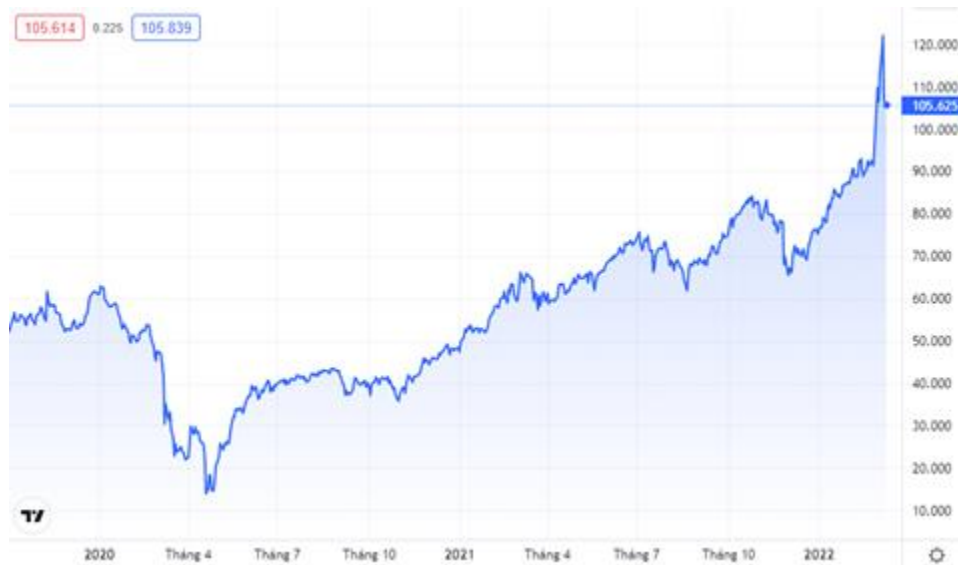
- Chỉ số Dow Jones tăng 653,61 điểm lên 33.286,25 điểm;
- S&P 500 tăng 107,18 điểm lên 4.277,88 điểm;
- Nasdaq tăng 460 điểm lên 13.255,55 điểm.

▶ Giá dầu thế giới

Reuters đưa tin, giá dầu toàn cầu đã giảm mạnh nhất trong gần hai năm qua sau khi Các Tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE) - thành viên OPEC lên tiếng ủng hộ việc bơm thêm dầu vào thị trường vốn đang bị xáo trộn do nguồn cung gián đoạn bởi các lệnh trừng phạt đối với Nga sau khi nước này mở chiến dịch quân sự đặc biệt ở Ukraine.

Giá dầu Brent kỳ hạn đã giảm 16,84 USD, tương đương 13,2%, xuống mức 111,14 USD/thùng, mức giảm trong ngày lớn nhất kể từ 21/04/2020. Giá dầu thô WTI chốt phiên ở mức giảm 15,44 USD, tương đương 12,5%, xuống 108,70 USD/thùng, mức giảm hàng ngày lớn nhất kể từ tháng 11/2021.

Hình 4. Biến động giá dầu thô WTI năm 2020-2022



Nguồn: Trading view (cập nhật vào lúc 10:00 ngày 10/03 theo giờ Việt Nam)

Thị trường Gia cầm thế giới ngày 10/3/2022

08:25 10/03/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM THẾ GIỚI

Thị trường Gia cầm	<p>▶ <u>Trung Quốc</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - Giá gà trắng thịt tiếp đà tăng nhẹ lên quanh mức 8,14 tệ/kg. - Tiêu thụ trứng tại bếp ăn tập thể tăng lên đáng kể khi các trường học mở cửa trở lại trong khi nguồn cung trứng vẫn giữ ở mức thấp đẩy giá trứng tăng mạnh lên mức 8,32 tệ/kg
---------------------------	--

DIỄN BIẾN GIÁ

Tại Trung Quốc

- Giá gà trắng thịt tiếp đà tăng nhẹ lên quanh mức 8,14 tệ/kg-tương đương 29.400 đồng/kg. Nguồn cung gà vẫn chưa có lại, lượng gà biểu to khan hiếm trong khi nhu cầu tại các chợ đầu mối dần được cải thiện giúp giá gà liên tiếp được hồi phục.

- Với giao dịch gà trắng giống, người chăn nuôi lạc quan hơn khi giá gà thịt gần đây tăng tốt, điều này thúc đẩy nhu cầu vào đàn mới của người chăn nuôi hỗ trợ giá con giống bật tăng theo, lên quanh mức 1,02 tệ/con-tương đương 3.700 đồng/con.

- Tiêu thụ trứng tại bếp ăn tập thể tăng lên đáng kể khi các trường học mở cửa trở lại trong khi nguồn cung trứng vẫn giữ ở mức thấp đẩy giá trứng tăng mạnh lên mức 8,32 tệ/kg, tương đương 30.100 đồng/kg.

- Cung-cầu tạm thời cân đối giữ giá vịt không nhiều biến động, đi ngang ngưỡng 8,38 tệ/kg-tương đương 30.300 đồng/kg. Với vịt giống, dù giá thức ăn chăn nuôi tăng mạnh tuy nhiên giá vịt thịt có diễn biến tích cực trong khi nguồn cung con giống không nhiều thúc đẩy giá tăng tiếp lên mức 1,56 tệ/con-tương đương 5.600 đồng/con.

Bảng 1. Bảng giá giao dịch gà, vịt tại các nước ngày 09/03/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/con
Trung Quốc	Gà trắng thịt	CNY/kg	8,14	▲0,02	▼1,36	29.430
	Gà trắng giống	CNY/con	1,02	▲0,13	▼3,52	3.690
	Vịt thịt	CNY/kg	8,38	—0,00	-	30.290
	Vịt giống	CNY/con	1,56	▲0,16	-	5.640
Thái Lan	Gà sống tại trại	Baht/kg	40,5	—0,00	-	28.760
	Gà nửa con	Baht/kg	85,0	—0,00	-	60.350
	Gà giống (CP)	Baht/con	17,0	—0,00	-	12.070
Brazil	Thịt gà đông lạnh	USD/kg	1,36	▲0,03	▲0,25	31.270
	Thịt gà làm mát	USD/kg	1,36	▲0,01	▲0,25	31.270
Mỹ (miền Trung)	Gà sống	Cents/pound	40,0-69,0	—0,00	-	20.300-35.020
	Chân gà	Cents/pound	36,0-50,0	—0,00	-	18.270-25.380
	Đùi gà	Cents/pound	40,0-70,0	—0,00	-	20.300-35.530
	Cánh gà	Cents/pound	221,0-260,0	—0,00	-	112.160-131.950

Bảng 2. Bảng giá giao dịch trứng tại các nước ngày 09/03/2022

Nước	Loại giá	Đơn vị	Giá	So với hôm trước	So với cùng kì năm trước	VND/kg, VND/1 quả trứng
Trung Quốc	Trứng gà	CNY/kg	8,32	▲0,20	-	30.080
	(DCE) Kì hạn T4/2022	CNY/500kg	4.271	▲19,0	▲130,0	30.880
	(DCE) Kì hạn T5/2022	CNY/500kg	4.398	▲8,00	▼4,00	31.800
	(DCE) Kì hạn T6/2022	CNY/500kg	4.179	▲3,00	▼9,00	30.210
Thái Lan	Trứng gà tươi	Baht/100 quả trứng	320,0	—0,00	-	2.270
	Trứng số 3	Baht/100 quả trứng	313,0	—0,00	-	2.220
	Trứng số 4	Baht/100 quả trứng	296,0	—0,00	-	2.100
Campuchia	Trứng gà CP	Riel/quả	450,0	—0,00	-	2.530

Lào	Trứng gà	Kip/30 quả	29,000-30,000	-0,00	-	1.930-2.000
-----	----------	------------	---------------	-------	---	-------------

-

Mỹ

Bảng 3. Lượng gà thịt được đưa vào giết mổ tại Mỹ theo tuần (1000 con)

Tuần kết thúc	Số lượng	Thay đổi so với tuần trước (%)
05/03/2022	160781	-0,31
26/02/2022	161277	+1,25
19/02/2022	159292	-0,90
12/02/2022	160741	+2,14
04/02/2022	157379	+1,04

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

- Theo số liệu giám sát của Zhuochuang Information, lượng gà đẻ của Trung Quốc trong tháng 2 đạt khoảng 1,153 tỷ con, tăng 1,05% so với tháng trước tuy nhiên giảm 4,28% so với cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù chi phí thức ăn tăng cao sẽ ảnh hưởng đến lợi nhuận chăn nuôi, ngoài ra trước lễ Thanh minh, các đơn vị chăn nuôi đã có kế hoạch xuất bán gà già khiến lượng gà thải loại tăng cao nhưng lượng gà đẻ vẫn được dự báo tiếp tục tăng 1,13% trong tháng 3. Nguồn cung gà đẻ dự kiến tiếp tục tăng trưởng dương trong tháng 3 tuy nhiên nhìn chung ở mức thấp so với cùng kỳ, điều này vẫn có thể hỗ trợ cho giá trứng có đà tăng.

THÔNG TIN KINH TẾ KHÁC

Bảng 4. Tỷ giá một số đồng tiền chính

Mã ngoại tệ/ Quốc gia	So với VND		
	Loại tỷ giá	Tỷ giá	Thay đổi (%) so với hôm trước
CNY (Trung Quốc)	CNY/VND	3.615	▼0,01
EUR (Châu Âu)	EUR/VND*	25.551	▼1,53
KHR (Campuchia)	KHR/VND	5,63	▲0,72
THB (Thái Lan)	THB/VND*	710	▼0,66
USD (Mỹ)	USD/VND*	22.990	▲0,04
Kip (Lào)	Kip/VND	2,00	—0,00

Ghi chú: * giá bán ra của Vietcombank
Thị trường Gia súc nội địa ngày 10/3/2022

14:24 10/03/2022

TÓM TẮT THÔNG TIN THỊ TRƯỜNG GIA SÚC NGÀY 10/03/2022

THỊ TRƯỜNG HEO		
Giao dịch heo hơi nội địa		
<u>Miền Bắc</u>	Mặt bằng giá heo tiếp tục giảm nhẹ vào hôm nay, còn phổ biến 53.000-55.000 đồng/kg; mức trên 55.000 đồng/kg rất khó được, chỉ những thương lái bắt nhỏ lẻ mới chấp nhận cho giá này để gom được hàng. Lượng heo tấp vào gột trước đó có xu hướng bán ra luôn do giá cám tăng và giá heo hơi hạ.	Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam: - Dự kiến trong 3 ngày cuối tuần, lượng heo đóng từ miền Nam ra Bắc sẽ giảm lại do lượng heo tồn vẫn còn và giá heo miền Bắc hạ nhiệt.
<u>Miền Trung & miền Nam</u>	Do giá heo không tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá cám tăng mạnh nên heo dân đổ ra bán nhiều hơn khiến lượng heo về các chợ đầu mối tăng mạnh.	
<i>Với số ca nhiễm Covid 19 tăng mạnh và đạt cao ở cả 3 miền, nhu cầu tiêu thụ thịt ở kênh bếp ăn tập thể lẫn hộ gia đình sẽ còn ảm đạm trong tuần tới, cho tới khi dịch có xu hướng thoái trào.</i>		
Giao dịch tại chợ đầu mối/lò mổ		
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Bắc</u>	<u>Chợ Ngọc Lũ:</u> - Lượng heo về chợ vẫn đạt hơn 4.000 con, trong đó riêng heo từ miền Nam đưa ra đạt tầm 17-18 xe. - <i>Giao dịch tại chợ:</i> Lượng heo tồn hôm qua vẫn còn cộng thêm lượng heo mới đưa về nhiều trong khi khách tới chợ ít khiến cho chợ bán chậm, với giá heo đầu giảm còn 56.000 đồng/kg, phổ biến 52.000-53.000 đồng/kg, hàng chân khó bán, heo tồn nhiều.	
	<u>Lò mổ Vạn Phúc:</u> Giá heo mót hàm (gồm cả đầu lòng): 66.000-72.000 đồng/kg	
<u>Chợ đầu mối, lò mổ miền Nam</u>	<u>Chợ Tân Xuân:</u> - Rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 5.100 con, nhập chợ đạt hơn 4.800 con, tăng gần 600 con so với hôm qua - <i>Giao dịch tại chợ:</i> Chợ bị ép giá từ đầu phiên, với giá heo đầu dưới 70.000 đồng/kg và rút còn 43.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, các thương lái bị lỗ nặng.	

A. THỊ TRƯỜNG HEO

I. Giá cả và giao dịch heo nội địa

- Với số ca nhiễm Covid 19 tăng mạnh và đạt cao ở cả 3 miền, nhu cầu tiêu thụ thịt ở kênh bếp ăn tập thể lẫn hộ gia đình sẽ còn ảm đạm trong tuần tới, cho tới khi dịch có xu hướng thoái trào.

1. Miền Bắc

- Tại **miền Bắc**, mặt bằng giá heo tiếp tục giảm nhẹ vào hôm nay, còn phổ biến 53-55.000 đồng/kg; mức trên 55.000 đồng/kg rất khó được, chỉ những thương lái bắt nhỏ lẻ mới chấp nhận cho giá này để gom được hàng.

- Lượng heo tấp vào gột trước đó có xu hướng bán ra luôn do giá cám tăng và giá heo hơi hạ.

- **Lưu chuyển heo Bắc-Trung-Nam:** Dự kiến trong 3 ngày cuối tuần, lượng heo đóng từ miền Nam ra Bắc sẽ giảm lại do lượng heo tồn vẫn còn và giá heo miền Bắc hạ nhiệt.

Bảng 1. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Bắc (VND/kg)

Khu vực		10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty-Miền Bắc		54.000-55.000	54.000-55.000	54,000-56,000
Heo dân	Thái Bình	53,000-56,000	54,000-56,000	50,000-55,000
	Bắc Giang	53,000-55,000	53,000-56,000	50,000-55,000
	Hà Nội	53,000-55,000	54,000-56,000	50,000-55,000
Heo giống				
Heo CP – loại 20kg (VND/kg)		115,000-120,000	115,000-120,000	95,000-100,000
Heo dân – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,200,000-1,400,000	1,200,000-1,400,000	1,200,000-1,400,000
Heo công ty - loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000	1,300,000-1,400,000

2. Miền Trung

- Tại **miền Trung và miền Nam**, do giá heo không tăng như kỳ vọng, cộng thêm giá cám tăng mạnh nên heo dân đổ ra bán nhiều hơn khiến lượng heo về các chợ đầu mối tăng mạnh.

Bảng 2. Bảng giá heo hơi tại thị trường miền Trung (VND/kg)

Khu vực		10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Heo hơi				
Heo công ty	Bắc Trung Bộ	54,000	54,000	53,000-55,000
	Nam Trung Bộ	52,500-57,000	52,500-57,000	51,000-57,000
Heo dân	Nghệ An	51,000-53,000	51,000-53,000	50,000-53,000
	Bình Định	54,000-56,000	54,000-56,000	51,000-56,000
	Đắc Lắc	50,000-53,000	50,000-53,000	50,000-52,000

3. Miền Nam

Bảng 3. Bảng giá heo hơi và heo giống tại thị trường miền Nam (VND/kg)

Loại giá	10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
----------	------------	------------	------------

Heo hơi				
Heo công ty	Đồng Nai	51,000-56,000	51,000-56,000	51,000-56,000
	Miền Tây	51,000-56,000	51,000-56,000	51,000-56,000
Heo dân	Đồng Nai	51,000-54,000	51,000-54,000	51,000-54,000
	Tiền Giang	51,000-54,000	51,000-54,000	50,000-53,000
	Bến Tre	51,000-54,000	51,000-54,000	50,000-53,000
Heo giống				
Heo công ty – loại 20kg (VND/kg)		75.000-90.000	75.000-90.000	75.000-90.000
Heo công ty – loại xách tai 6-7 kg (VND/con)		1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000	1.000.000-1.200.000
Heo dân – loại xách tai 7-9 kg (VND/con)		1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000	1.300.000-1.400.000

II. Giao dịch tại các chợ đầu mối/lò mổ

- Tại **chợ Ngọc Lũ**, hôm nay lượng heo đưa về đạt hơn 4.000 con, trong đó riêng heo từ miền Nam đưa ra đạt tầm 17-18 xe. Lượng heo tồn hôm qua vẫn còn cộng thêm lượng heo mới đưa về nhiều trong khi khách tới chợ ít khiến cho chợ bán chậm, với giá heo đầu giảm còn 56.000 đồng/kg, phổ biến 52-53.000 đồng/kg, hàng chân khó bán, heo tồn nhiều.

- Tại **chợ Tân Xuân**, rạng sáng nay lượng heo nhập lò đạt gần 5.100 con, nhập chợ đạt hơn 4.800 con, tăng gần 600 con so với hôm qua. Chợ bị ép giá từ đầu phiên, với giá heo đầu dưới 70.000 đồng/kg và rớt còn 43.000 đồng/kg trở lên vào cuối phiên, các thương lái bị lỗ nặng.

Bảng 4. Lượng và giá heo tại các chợ đầu mối (con; đồng/kg)

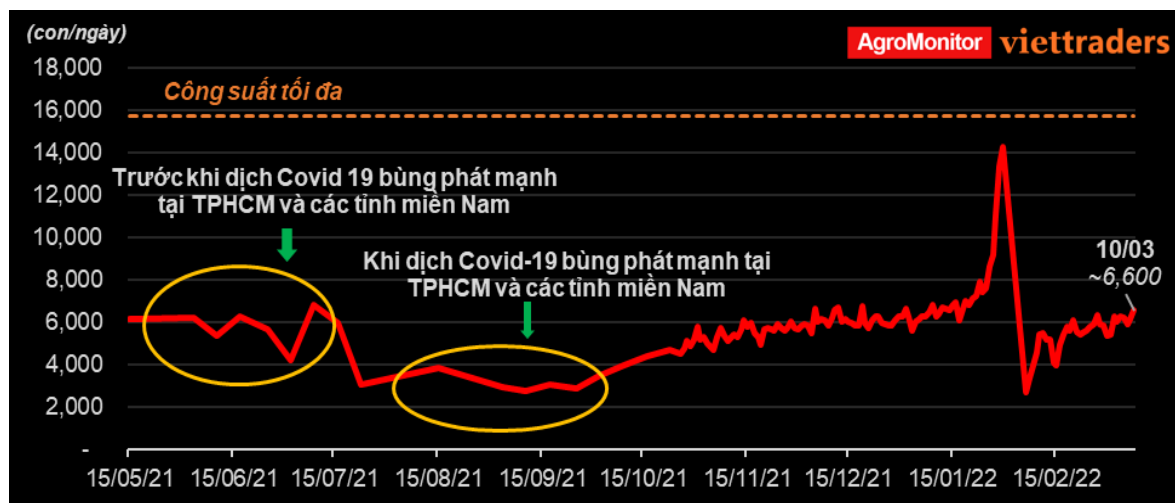
Khu vực	Chợ đầu mối	10/03/2022	09/03/2022
Miền Bắc	Chợ Ngọc Lũ	Lượng heo mới đưa về chợ (con)	>4,000
		Giá giao dịch tại chợ phổ biến(đồng/kg)	52,000-56,000
Miền Nam	Chợ Tân Xuân	Lượng heo nhập chợ (con)	>4,800
		Giá giao dịch (đồng/kg)	43,000-69,000

Bảng 5. Giá heo mảnh và phụ phẩm từ heo của các công ty/lò mổ (đồng/kg)

Phân loại	Khu vực	10/03/2022	09/03/2022
Heo mảnh	Công ty	CP - miền Bắc	77,500-79,000
		CP - miền Nam	68,500-70,500
		CJ - miền Nam	69,500
		Emivest - miền Nam	70,500
Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	Lò mổ	66,000-72,000
		Công ty	50,000
Phụ phẩm	Lò mổ	Vạn Phúc – Hà Nội	50,000
		Công ty	33,000-34,000

- Tại các lò mổ TPHCM, lượng heo đưa về giết mổ hôm nay có chiều hướng tăng mạnh, đạt gần 6,600 con, cao hơn hôm qua tầm 400 con. Lũy kế trong 4 ngày đầu tuần này, lượng heo đưa về giết mổ đạt gần 25,000 con, cao hơn 2,200 con so với tuần trước-những ngày cuối tháng 1 âm lịch - tháng ăn chay.

Hình 1. Lượng heo giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (tính tới 10/03/2022) (con)



Nguồn: AgroMonitor tổng hợp

III. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo

Bảng 7. Theo dõi tình hình dịch bệnh trên heo tại các vùng

Khu vực	Xu hướng dịch bệnh
Miền Bắc	- Dịch tả châu Phi, tai xanh vẫn lai rai bùng phát/tái bùng phát tại một số vùng.
Miền Trung	- Dịch tả heo châu Phi vẫn nỗ lực đắc tại các địa phương thuộc khu vực Bắc miền Trung. - Tại khu vực Nam miền Trung, dù không nỗ lực mạnh nhưng dịch cũng nỗ lực đắc tại nhiều địa phương, trong đó có khu vực Tây Nguyên.
Miền Nam	- Dịch tả châu Phi vẫn lai rai nỗ lực đắc tại nhiều vùng ở cả miền Đông và miền Tây.

B. THỊ TRƯỜNG BÒ

I. Giá cả giao dịch nội địa

Bảng 8. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Bắc (đồng/kg)

Chủng loại	10/03/2022	09/03/2022
Bò cái già	75.000-78.000	75.000-78.000
Bò cái tơ	82.000-83.000	82.000-83.000
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	88.000-91.000	88.000-91.000

Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	83.000-86.000	83.000-86.000
Bò càn – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	92.000-94.000	92.000-94.000
Bò nội – bò 3B	95.000-100.000	95.000-100.000
Bò tuốt – khu vực Hải Bôi (Đông Anh) – bò Úc	210.000	210.000
Bò tuốt – công ty bán ra – bò Úc	212.000	212.000
Bò tuốt – bò ta	222.000	222.000

Bảng 9. Giá bò hơi và bò tuốt tại thị trường miền Nam (đồng/kg)

Chủng loại	10/03/2022	09/03/2022
Bò thiến – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng	87.000	87.000
Bò thiến – loại nuôi vỗ béo	85.000	85.000
Bò càn – loại nhập về bán luôn sau nửa tháng, tùy cân nặng	90.000-92.000	90.000-92.000
Bò tuốt Úc – chợ Phạm Văn Hai (TPHCM)	198.000-200.000	198.000-200.000

Thị trường Gia cầm nội địa ngày 10/3/2022

13:01 10/03/2022

CÁC DIỄN BIẾN CHÍNH CỦA THỊ TRƯỜNG GIA CẦM NGÀY 10/03/2022

<u>Gà trắng</u>	Tại miền Bắc: 31.000-33.000 đồng/kg Một số công ty thông báo tăng giá cám vào hôm nay nhưng do nguồn cung gà thiếu hụt khiến các trại tư chưa ồ ạt xuất chuồng.
	Tại miền Nam: 25.000-27.000 đồng/kg Tình hình dịch bệnh Covid 19 có chiều hướng xấu hơn trong khi giá cám thành phẩm sẽ tiếp tục tăng trong ngắn hạn tới thúc đẩy các trại chăn nuôi tư nhân đẩy mạnh lượng gà xuất chuồng.
<u>Gà màu</u> <u>Dabaco/Minh Đur</u>	Tại miền Bắc: 45.000-49.000 đồng/kg Tiêu thụ gà màu chậm chạp trong khi nguồn cung đang dần có lại là hai yếu tố chủ yếu khiến giá gà nuôi trên 4-5 tháng giao dịch ở mức rất thấp
	Tại miền Nam: 55.000-65.000 đồng/kg Giá gà màu có điều chỉnh tăng liên tục trong 2 tuần gần đây nhờ nguồn cung chưa hồi phục
<u>Vịt thịt</u>	Tại miền Bắc: 35.000-37.000 đồng/kg Nguồn cung vịt tại khắp các tỉnh thành giảm tương đối tuy nhiên, việc giá vịt có điều chỉnh bật tăng liên tục trong khi tiêu thụ còn yếu sẽ khiến giá vịt có thể chững lại

	<p>Tại miền Đông: 35.000-37.000 đồng/kg</p> <p>Tại miền Tây: 37.000-38.000 đồng/kg</p> <p>Dự kiến, giá vịt có thể đảo chiều tăng lại nhờ nguồn cung đang có chiều hướng vẫn dần.</p>
<p><u>Giao dịch tại chợ Hà</u> <u>Vỹ</u></p>	<p>Lượng gà màu đưa về chợ: 10.000 con/ngày</p> <p>Giá gà màu Japfa nhập về chợ: 47.000-49.000 đồng/kg</p> <p>Giá gà màu Japfa bán ra tại chợ: 53.000-55.000 đồng/kg</p> <p>Giao dịch gà màu từ đầu tháng 3 đến nay trầm lắng hơn.</p>

Gà trắng

Diễn biến gà trắng thịt

- Tại miền Bắc, giá gà trắng tiếp tục chững lại quanh mức 31-33.000 đồng/kg. Một số công ty thông báo tăng giá cảm vào hôm nay nhưng do nguồn cung gà thiếu hụt khiến các trại tư chưa ồ ạt xuất chuồng. Tuy nhiên, dưới ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19 kéo tiêu thụ của thị trường khá yếu làm kìm gãm đà tăng của giá gà lại.

- Tại miền Nam, giá công ty lẫn trong dân chưa có điều chỉnh mới vào hôm nay mà giữ ổn định quanh mức 25-27.000 đồng/kg, trong đó đầu giá 27.000 đồng/kg áp dụng cho đàn to đẹp biểu trên 3.5 kg/con. Tình hình dịch bệnh Covid 19 có chiều hướng xấu hơn trong khi giá cảm thành phẩm sẽ tiếp tục tăng trong ngắn hạn tới thúc đẩy các trại chăn nuôi tư nhân đẩy mạnh lượng gà xuất chuồng.

Bảng 1. Bảng giá gà trắng bán tại trại (VND/kg)

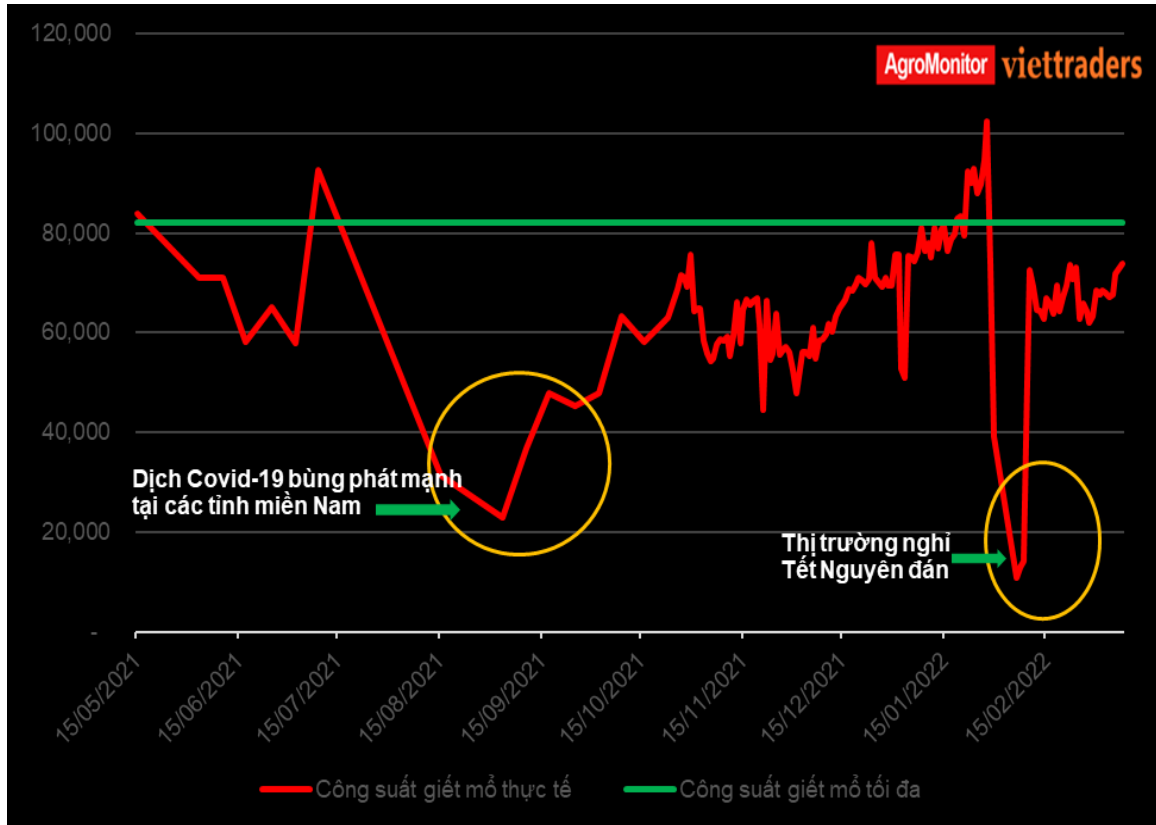
	Khu vực	10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Gà công ty	Miền Bắc	31.000-33.000	31.000-33.000	27.000-33.000
	Miền Nam	25.000-27.000	25.000-27.000	26.000-29.000
Gà trong dân	<i>Miền Bắc</i>			
	Thái Nguyên	30.000-32.000	30.000-32.000	27.000-32.000
	Vĩnh Phúc	31.000-32.500	31.000-32.500	27.000-32.500
	Hà Nội	31.000-32.500	31.000-32.500	27.000-32.500
	<i>Miền Nam</i>			
	Bình Dương	25.000-26.000	25.000-26.000	26.000-29.000
Bình Phước	25.000-26.000	25.000-26.000	26.000-29.000	

- Tại lò An Nhơn, lượng gia cầm bình quân đưa vào giết mổ trong tuần thứ 2 của tháng đạt 71.590 con/ngày, tăng nhẹ 7.73% so với tuần trước đó.

Công suất giết mổ gia cầm tại các lò mổ lớn trong tuần 2 tháng 3 (con/ngày)

Cơ sở giết mổ	Quận huyện	Công suất	07/03	08/03	09/03	10/03
An Nhơn	Gò Vấp	82,000	67,802	71,810	72,879	73,870

Lượng gia cầm giết mổ tại các lò mổ trên địa bàn TPHCM (con)



Diễn biến gà trắng giống

Bảng 2. Bảng giá gà trắng giống DOC (đồng/con)

Vùng/miền	Loại con giống	10/03/2022	09/03/2022
DOC- miền Bắc	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000
	Ăn cám công ty	8.000-8.500	8.000-8.500
DOC-miền Nam	Bán ngoài	8.000-9.000	8.000-9.000
	Ăn cám công ty	7.500-8.000	7.500-8.000

Bảng 3. Bảng giá trứng gà tại thị trường nội địa (đồng/quả)

Khu vực	Loại trứng	10/03/2022	09/03/2022
Miền Bắc (trứng gà CP)	Mix03(>=21.3kg)	2150	2150
	Mix04(>=20.3kg)	2050	2050
	Mix05(>=19.3kg)	1950	1950
Miền Nam	Loại 23.5kg	2200	2200
	Loại 22.5kg	2100	2100
	Loại 21.5kg	2000	2000

(trứng gà Vĩnh Thành Đạt)	Loại 20.5kg	1950	1950
	Loại 19.5kg	1900	1900

Gà màu

- Tại miền Bắc, tiêu thụ gà màu chậm chạp trong khi nguồn cung công ty lẫn trại dân đang dần có lại là hai yếu tố chủ yếu khiến giá gà nuôi trên 4-5 tháng giao dịch ở mức rất thấp 45-49.000 đồng/kg, tùy loại.

- Với giao dịch con giống, giá giống lai hồ lai mía tại miền Bắc tiếp tục giảm nhẹ xuống 12-12.500 đồng/con, đầu giá 13.000 đồng/kg khó bán ngay cả khi nguồn cung giống không nhiều. Dịch bệnh Covid 19 ngoài Bắc diễn biến phức tạp trong khi giá cám có thể sẽ tiếp tục tăng khiến thị trường không mặn mà trong việc tái đàn hay mở rộng quy mô chăn nuôi.

- Tại miền Nam, giá gà màu có điều chỉnh tăng liên tục trong 2 tuần gần đây nhờ nguồn cung chưa hồi phục, giá bán tại cửa trại dao động 55-60.000 đồng/kg với gà Dabaco và 57-65.000 đồng/kg với gà Minh Dur.

Bảng 4. Bảng giá gà màu bán ra tại trại (đồng/kg)

Khu vực	10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Gà ta lai CP – miền Bắc	41.000-42.000	41.000-42.000	41.000-43.000
Gà ta lai CP – miền Trung	40.000-46.000	40.000-46.000	40.000-46.000
Gà ta lai CP – miền Nam	47.000-48.000	47.000-48.000	47.000-48.000
Gà màu Dabaco – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-48.000	45.000-48.000	45.000-52.000
Gà màu Dabaco – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	55.000-60.000	55.000-60.000	45.000-55.000
Gà Minh Dur – miền Bắc (gà nuôi trên 4 tháng)	45.000-49.000	45.000-49.000	45.000-53.000
Gà Minh Dur – miền Nam (gà nuôi trên 4 tháng)	57.000-65.000	57.000-65.000	50.000-57.000

Bảng 5. Bảng giá gà màu giống DOC miền Bắc (đồng/con)

Loại con giống	10/03/2022	09/03/2022
DOC- Dabaco, Hòa Phát	10.000-11.000	10.000-11.000
DOC-Minh Dur	9.000-10.000	9.000-10.000
DOC- Tiến Đạt	11.000-12.500	11.000-12.500
DOC- Lai mía	12.000-12.500	12.000-13.000
DOC- Lai Hồ	12.000-12.500	12.000-13.000

Bảng 6. Bảng giá gà màu giống DOC miền Nam (đồng/con)

Loại con giống	10/03/2022	09/03/2022
DOC- Gà thả vườn Bến Tre	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC-Minh Dư	7.000-8.000	7.000-8.000
DOC- Gà ta lai	5.000-6.000	5.000-6.000

Vịt thịt

- Tại miền Bắc, giá vịt tiếp đà tăng tốt, nâng mặt bằng giá lên phổ biến 35-37.000 đồng do nguồn cung vịt tại khắp các tỉnh thành giảm tương đối. Tuy nhiên, việc giá vịt có điều chỉnh bất tăng liên tục trong khi tiêu thụ còn yếu sẽ khiến giá vịt có thể chững lại

- Tại miền Nam, giá vịt thịt linh xình đi ngang quanh mức 35-38.000 đồng/kg. Dự kiến, giá vịt có thể đảo chiều tăng lại nhờ nguồn cung đang có chiều hướng vẫn dần.

Bảng 7. Giá vịt thịt bán ra tại trại (đồng/kg)

Vùng/miền	10/03/2022	09/03/2022	Tuần trước
Miền Bắc – Vịt Super	35.000-37.000	32.000-35.000	28.000-30.000
Miền Đông – Vịt Grimaud	35.000-37.000	35.000-37.000	35.000-37.000
Miền Tây – Vịt Grimaud	37.000-38.000	37.000-38.000	37.000-39.000

Bảng 8. Bảng giá vịt giống DOC (đồng/con)

Khu vực	Loại con giống	10/03/2022	09/03/2022
Miền Bắc	DOC- Vịt Super	12.000-13.000	12.000-13.000
	DOC- Vịt Grimaud	12.000-13.000	12.000-13.000
	DOC- Vịt bầu cánh trắng	5.000-7.000	5.000-7.000
Miền Nam	DOC- Vịt Grimaud	14.000-15.000	14.000-15.000
	DOC- Vịt Cherry	18.000	18.000

Giao dịch gà tại các chợ đầu mối lớn

- Tại chợ đầu mối Hà Vỹ, giao dịch gà trắng tại chợ tương đối trầm lắng khiến lượng gà đổ về chợ nay khó tăng, ổn định ngưỡng 3.000 con. Giá gà nhập về (mua xô) không có nhiều thay đổi, đạt quanh mức 36.000 đồng/kg, theo đó giá bán ra cũng duy trì ngưỡng 35-38.000 đồng/kg, tùy gà trống hay gà mái.

- Với giao dịch gà màu, lượng gà về chợ ổn định khoảng 10.000 con/ngày, tiêu thụ gà màu từ đầu tháng 3 đến nay chậm chạp hơn. Chợ chủ yếu tiêu thụ gà Japfa từ Nghệ An đưa về, với giá lên xe 45-47.000 đồng/kg, giá về đến chợ khoảng 47-49.000 đồng/kg, theo đó giá bán ra tại chợ giảm nhẹ còn 53-55.000 đồng/kg. Tương tự, giá gà Dabaco nhập về chợ cũng giảm nhẹ còn 48-49.000 đồng/kg, giá bán ra tại chợ dao động 54-56.000 đồng/kg.

Bảng 9. Bảng giá gà mua vào và bán ra tại chợ đầu mối Hà Vỹ (đồng/kg)

Loại gà	Giao dịch	10/03/2022	09/03/2022
Gà trắng	Mua vào	36.000	36.000
	Bán ra	35.000-38.000	35.000-38.000
Gà màu Dabaco	Mua vào	48.000-49.000	48.000-50.000
	Bán ra	54.000-56.000	55.000-57.000

Gà Japfa (Miền Trung đưa ra)	Mua vào	47.000-49.000	47.000-50.000
	Bán ra	53.000-55.000	55.000-57.000